TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/5/2018
"V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Hồng Quảng**
2. Bà **Lê Thị Thanh Thủy**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Thị Thanh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa***: Bà **Phạm Bích Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/5/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST- HNGĐ ngày 30/3/2018 về "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1955;
Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, khu 4B, phường Cẩm T, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N;
Nghề nghiệp: Không, có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Hoàng Thị Bích H**, sinh năm 1967;
Nơi ĐKNKTT: Tổ 2, khu Minh H, phường Cẩm B, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N;
Nghề nghiệp: Không, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Tôi và chị Hoàng Thị Bích H xây dựng gia đình với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm B (nay là phường Cẩm B), thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N ngày 19/4/2000, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 5 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà riêng của tôi tại phường Cẩm T nay thuộc tổ 5, khu 4B, phường Cẩm T, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N, cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 2-3 tháng đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu

thuẫn chủ yếu là do tính cách của chúng tôi không hợp nhau, thói quen sinh hoạt trái ngược nhau nên thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau; chị H thường xuyên cáu gắt, yêu cầu tôi phải cho tiền để ăn chơi đua đòi nếu tôi đáp ứng được thì vui vẻ, không thì bực tức, cáu gắt bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Tình trạng này kéo dài khoảng một năm thì chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở hẳn, trước đó tôi đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H không thay đổi, chúng tôi đã sống ly thân và không còn quan hệ gì với nhau từ khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay, cả hai đều không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn; thời gian chúng tôi mới sống ly thân thì gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần, còn khu phố thì có biết chuyện của gia đình tôi nhưng thời gian đó tôi chưa xin ly hôn nên khu phố không hòa giải còn bây giờ thì chúng tôi đã ly thân quá lâu nên không tổ chức hòa giải. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với chị H để tôi ổn định cuộc sống. Tôi và chị H có một con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 30/6/2000, từ khi sống ly thân con chung chủ yếu ở với tôi, do tôi nuôi dưỡng; thời gian gần đây chị H đi làm ăn buôn bán thỉnh thoảng gửi tiền cho con đóng tiền học. Khi ly hôn, tôi xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con, tôi hiện nay là lao động tự do, mức thu nhập và các điều kiện khác đều đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con.Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Đối với bị đơn bà Hoàng Thị Bích H: Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P để giải quyết yêu cầu ly hôn, nuôi con của ông Lê Văn T đối với bà Hoàng Thị Bích H nhưng bà Hoàng Thị Bích H đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn ông Lê Văn T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Hoàng Thị Bích H, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm P nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cuộc hôn nhân giữa ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị Bích H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm B, thị xã Cẩm P (nay là phường Cẩm B, thành phố Cẩm P), tỉnh Quảng N ngày 19/4/2000. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm nay như ông T trình bày nêu trên. Ông T không còn tình cảm với bà H, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống; bà Hoàng Thị Bích H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không rõ

quan điểm của bà H về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, bà H có còn tình cảm với ông T hay không. Ông T và bà H có một con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 30/6/2000, ông T xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con vì ông T cho rằng từ khi sống ly thân, con chung chủ yếu do ông T nuôi dưỡng; trong suốt quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà H, bà H không có mặt nên không rõ quan điểm của bà H về phần con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định là không có; bà H không có mặt nên không rõ quan điểm của bà H về phần tài sản chung, nợ chung.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Cẩm P đã tiến hành lấy lời khai của ông Hoàng Văn Sâm, sinh năm 1957; trú tại: Tổ 2, khu Minh H, phường Cẩm B, thành phố Cẩm P, tỉnh Quảng N là anh trai của bà Hoàng Thị Bích H và ông Đậu Thành X, sinh năm 1954 là Khu trưởng, khu phố Minh H, phường Cẩm B được ông Sâm và ông X cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của ông T và bà H về cơ bản đúng như ông T đã trình bày nêu trên. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2018 con chung của ông T và bà H là cháu Lê Hoàng A có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như nêu trên, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ quy định tại các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà H; đối với yêu cầu xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông T, do bà H không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét thấy ông T đã là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân nên chấp nhận yêu cầu xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông T. Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con nên không đề cập. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định không có; bà H không có mặt nên không rõ quan điểm của bà H về phần tài sản chung, nợ chung nên không đề cập.

[4] Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Lê Văn T đối với bà Hoàng Thị Bích H. Ông Lê Văn T được ly hôn với bà Hoàng Thị Bích H.

Giao cho ông Lê Văn T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Hoàng A, sinh ngày 30/6/2000 cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Hoàng Thị Bích H không phải cấp dưỡng cho con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn T xác định không có.

Về án phí: Ông Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009924 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi thành án dân sự thành phố Cẩm P. Ông T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Cẩm Phả;
- Chi cục THADS tp Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Vp.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thuý Hằng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Cẩm Phả;
- Chi cục THADS tp Cẩm Phả;
- UBND xã Cộng Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; vp.

Nguyễn Thúy Hằng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tp Cẩm Phả;
- Chi cục THADS tp Cẩm Phả;
- UBND ph- ờng Cẩm Thủy;
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS; vp;

Nguyễn Thuý Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thuý Hằng